

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị D.

2. Ông Nguyễn Văn L2.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 103/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh P, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh TG.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy N, sinh năm 1998, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện M, tỉnh LA.

Ông P có mặt; bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Thanh P trình bày:

Ông P và bà N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh TG năm 2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khi sinh con thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều mặt, thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là bà N không lo làm ăn. Ông P phát hiện bà N có biểu hiện quan hệ tình cảm với người khác. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Ông P xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn

tình cảm với nhau nên ông P yêu cầu được ly hôn. Về con chung, có một con chung tên Lê Ngọc Thanh V, sinh ngày 23/6/2019, hiện đang sống với ông P, ông P yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P xác định không có.

Ông P trình bày việc bà N không đồng ý tham gia tố tụng. Ông P có đơn xin không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, ông P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông P đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà N không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Thanh P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Thúy N nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà N cư trú tại khu phố B, thị trấn B, huyện M, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà N: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bà N vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà N.

[3]. Về hôn nhân: Ông Lê Thanh P và bà Lê Thị Thúy N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh TG nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của ông P:

[4.1]. Về yêu cầu ly hôn: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà N không đến Tòa án mà không có lý do, thể hiện ý chí bà N không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Ông P xác định không còn tình cảm với bà N và cương quyết ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa ông P và bà N là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà N.

[4.2]. Về con chung: Ông P và bà N có một con chung tên Lê Ngọc Thanh V, sinh ngày 23/6/2019, hiện đang sống với ông P. Xét thấy, con chung hiện đang ở với ông P, bà T không thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung nên giao ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông P.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện nên bà Lê Thị Thúy N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông P trình bày không có, bà N không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến ông P về việc không có tài sản chung, nợ chung.

[5]. Về án phí: Ông Lê Thanh P phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Thanh P đối với bà Lê Thị Thúy N.

1. Về Hôn nhân: Ông Lê Thanh P được ly hôn với bà Lê Thị Thúy N

2. Về con chung: Ông Lê Thanh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là tên Lê Ngọc Thanh V, sinh ngày 23/6/2019, hiện đang sống với ông P.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Thúy N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của ông Lê Thanh P về việc không có tài sản chung, nợ chung.

6. Về án phí: Ông Lê Thanh P phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai số 0008637 ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, ông P đã nộp đủ án phí.

7. Ông Lê Thanh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Thúy N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

8. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1